TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PÁC NẶM** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS - ST
Ngày 27/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lường Văn Xiên**

Bà **Ma Thị Lưu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Cà Ngọc Tân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST-HS, ngày 08 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn T- Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 06 tháng 01 năm 1972 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 2/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Triệu Dào L (đã chết) và bà Triệu Mùi N; Vợ Đặng Thị C: Có 02 con. Con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Thị C - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 03 tháng 11 năm 1968 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc

Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đặng Quầy V (đã chết) và bà Triệu Thị K; Chồng là Triệu Văn T: Có 02 con. Con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/9/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn T và Đặng Thị C**: Bà Nguyễn Phương B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vi Duy T- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông La Đức D - Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện P. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Triệu Chòi N, sinh năm 1990 - Trú tại: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Anh Triệu Minh H, sinh năm 1990 - Trú tại: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 Công an huyện Pác Nặm nhận được công văn chuyển tin báo số 62/CTB-KL ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Hạt Kiểm lâm huyện P với nội dung có nhiều hộ dân phát phá rừng trái phép tại xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Trên kết quả điều tra xác định được như sau:

Tại Lô 5, Khoảnh 2A, Tiểu khu 31 bản đồ quy hoạch ba loại rừng thuộc thửa đất 59, tờ bản đồ số 02 bản đồ giao đất đất lâm nghiệp Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, Triệu Văn T và Đặng Thị C trú tại thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn đã có hành vi hủy hoại rừng với diện tích là 9.960m^2 (Chín nghìn chín trăm sáu mươi mét vuông) rừng sản xuất có trạng thái là rừng tự nhiên phục hồi. Số cây bị chặt hạ có chu vi (vòng dây) nhỏ nhất từ 24cm trở lên là 332 cây = 92,935m^3 (Chín mươi hai phẩy chíntrăm ba mươi năm mét khối).

Tại cơ quan điều tra Triệu Văn T và Đặng Thị C khai nhận.

Năm 2009 được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 33.251m2 đất rừng sản xuất tại thửa số 59 tờ bản đồ số 02 thuộc Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, diện tích đất này T và C đã trồng cây xoan trên một phần diện tích khoảng hơn 10.000m^2 (Mười nghìn mét vuông). Do có mục đích phát rừng để trồng cây keo, nên khoảng đầu tháng 4 năm 2018 (không nhớ ngày cụ thể) C đã bàn bạc với T về việc phát phá diện tích rừng còn lại để trồng cây keo thì T đồng ý, C và T sử dụng mỗi người một con dao quắm lên khu rừng nhà mình phát hết bụi rậm, dây leo, chặt các cây nhỏ trong khoảng 05 ngày và để lại cây to. Số cây to còn lại T một mình dùng máy cưa lốc mượn của Triệu Minh H để cắt hạ được một ngày gần hết diện tích rừng thì máy cưa bị hỏng, phần diện tích còn lại khoảng hơn 2.000 m^2 (hai nghìn mét vuông),Tạng nhờ Triệu Chòi N dùng máy cưa lốc của N cùng T thay nhau cắt hạ toàn bộ số cây còn lại trong một buổi thì xong và để chờ khô rồi đốt vệ sinh rừng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 11/5/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm xác định: Hiện trường vụ huỷ hoại rừng tại tại Lô 5, Khoảnh 2A, Tiểu khu 31 bản đồ quy hoạch ba loại rừng được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21/5/2007 thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 02 bản đồ giao đất đất lâm nghiệp tại Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn là rừng sản xuất có trạng thái rừng tự nhiên phục hồi.

Vị trí diện tích rừng bị huỷ hoại phía Đông giáp với khe cạn; phía Tây giáp với lô đất phát phá của Triệu Chòi N; phía Nam giáp thửa đất số 59 của ông Triệu Văn T; phía Bắc giáp với thửa đất số 53 do Uỷ ban nhân dân xã A T quản lý. Trên bề mặt diện tích rừng bị chặt hạ phát hiện nhiều cây thân gỗ với nhiều nhóm gỗ khác nhau đã bị cắt đổ ngổn ngang về nhiều hướng, các vết cắt này đều sắc gọn để lại phần gốc nhô lên trên mặt đất với nhiều kích cỡ khác nhau. Tiến hành đo diện tích bị huỷ hoại bằng máy định vị vệ tinh CPS78CSX, hệ toạ độ Vn-2000 do Hạt Kiểm lâm huyện P cung cấp, xác định diện tích rừng bị huỷ hoại là 9.960m^2 (Chín nghìn chín trăm sáu mươi mét vuông). Số cây bị chặt hạ có chu vi (vòng dây) nhỏ nhất từ 24cm trở lên là 332 cây = 92,935m^3 (Chín mươi hai phẩy chín trăm ba mươi năm mét khối).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTSVV ngày 14/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: 92,935m^3 (Chín mươi hai phẩy chín trăm ba mươi năm mét khối) gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng giá trị

là 70.862.938đ (Bảy mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo Triệu Văn T tự nguyện nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và Đặng Thị C đã tự nguyện nộp 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm nhằm khắc phục một phần thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSPN ngày 07/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm để xét xử Triệu Văn T và Đặng Thị C về hành vi "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Triệu Triệu Văn T và Đặng Thị C phạm tội "Hủy hoại rừng".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243 BLHS 2015; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đặng Thị Chẹ từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên toà người bào chữa cho bị cáo nhận thấy việc xét xử các bị cáo về tội "Hủy hoại rừng" là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo C là đồng phạm giữ vai trò thứ yếu, các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường khắc phục một phần hậu quả, bị cáo được ngưởi được nguyên đơn dân sự ủy quyền xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Triệu Văn T được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, cho bị cáo Đặng Thị C được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận:

Đầu tháng 4 năm 2018 (không nhớ ngày cụ thể) Đặng Thị C nói với chồng là Triệu Văn T về việc phát diện tích rừng còn lại để trồng cây keo. Hôm sau T đã bàn bạc với C về việc đi phát rừng thì C đồng ý, việc phát rừng không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, C và T sử dụng mỗi người một con dao quắm lên khu rừng nhà mình phát hết bụi rậm, dây leo, chặt các cây nhỏ trong khoảng 05 ngày và để lại cây to. Số cây to còn lại Tạng một mình dùng máy cưa lốc mượn của Triệu Minh H để cắt hạ được một ngày gần hết diện tích rừng thì máy cưa bị hỏng, phần diện tích còn lại khoảng hơn 2.000 m^2 (hai nghìn mét vuông),T nhờ Triệu Chòi N dùng máy cưa lốc của N cùng T thay nhau cắt hạ toàn bộ số cây còn lại trong một buổi thì xong và để chờ khô rồi đốt vệ sinh rừng.

Hậu quả diện tích rừng bị chặt hạ là 9.960m^2 (Chín nghìn, chín trăm sáu mươi mét vuông); Số cây bị chặt hạ có chu vi (vòng dây) nhỏ nhất từ 24 cm trở lên là 332 cây gỗ = 92,935m^3 (Chín mươi hai phẩy chín trăm ba mươi năm mét khối gỗ) từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng giá trị là 70.862.938đ (Bảy mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám đồng).

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" với tình tiết định khung là hủy hoại rừng sản xuất có diện tích từ 5.000m^2 đến dưới 10.000m^2

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác bà bảo bệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

……

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m2) đến dưới 10.000 mét vuông (m2);

……

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3].Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Triệu Văn T: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không được đi học hết phổ thông, nhận thức về pháp luật rất hạn chế, người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Đối với bị cáo Đặng Thị C: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo chỉ được phát cây bụi và dây leo do vậy xác định bị cáo là người có vai trò thứ yếu trong vụ án nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật rất hạn chế nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, các quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo tính giáo dục cải tạo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy gia đình bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có yêu cầu bị cáo Triệu Văn T phải bồi thường thiệt hại 2,500.000^{đ} (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng); bị cáo Đặng Thị C phải bồi thường thiệt hại 1.500.000^{đ} (Một triệu, năm trăm nghìn đồng). Các bị cáo nhất trí bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền theo yêu cầu, tại phiên tòa các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường. Xét thấy việc thỏa thuận không trái pháp luật và hoàn toàn do hai bên tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền vào Chi cục thi hành án dân sự huyện P nhằm khắc phục một phần thiệt hại, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

- 332 cây gỗ = 92,935m^3 (Chín mươi hai phẩy chín trăm ba mươi năm mét khối gỗ). Ngày 01/10/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức tịch thu bán đấu giá sung công quỹ Nhà nước.

- 02 (Hai) con dao quắm, trong đó một con dao có cán dao bằng gỗ có tổng chiều dài 54,5cm, thân dao dài 34,5cm, bản dao rộng 4,5cm, phần cán dao bằng gỗ dài 20cm; Một con dao có cán bằng gỗ có tổng chiều dài 50cm, phần thân dao dài 30cm, bản dao rộng 4,2cm, cán dao bằng gỗ dài 20cm, cả hai con dao đã qua sử dụng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc mấy cưa xăng (cưa lốc) màu cam có cả lam và xích, nhãn hiệu HUSQVARNA-365 đã cũ, đây là chiếc của mà Triệu Chòi N dùng để giúp Triệu Văn T cưa hạ cây, tuy nhiên N không biết việc phát rừng do T tự ý thực hiện, do vậy cần trả lại chiếc máy cưa cho Triệu Chòi N.

- 01 chiếc mấy cưa xăng (cưa lốc) màu cam không có lam và xích, nhãn hiệu TOP SUNI-5020 đã qua sử dụng, đây là chiếc của mà Triệu Minh H cho

Triệu Văn T mượn cưa hạ cây, tuy nhiên H không biết việc phát rừng do T tự ý thực hiện, do vậy cần trả lại chiếc máy cưa cho Triệu Minh H.

Đối với chiếc Lam và Xích của máy cưa lốc màu cam, hiệu TOP SUNI-5020 của Triệu Minh H cho bị can Triệu Văn T mượn, do quá trình quản lý ở nhà đã làm mất, nên không tạm giữ được do vậy không có cơ sở để xử lý.

[6]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Đánh giá việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử nhận định đề nghị của người bào chữa là có căn cứ cần chấp nhận.

[7] Xem xét, đánh giá hành vi của những người liên quan.

Đối với Triệu Chòi N là người được Triệu Văn T nhờ cắt hạ cây, Triệu Minh H là người cho bị can Triệu Văn T mượn máy cưa lốc. T, N, H không có sự bàn bạc thống nhất trước khi thực hiện việc phá rừng, H và N không biết việc phát phá rừng là do T tự ý thực hiện, do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với N và H là có cơ sở.

[8] Về án phí: Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy gia đình các bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các bị cáo có đơn xin Hội đồng xét xử miễn án phí. Do vậy cần miễn án phí sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn T và Đặng Thị Cphạm tội "Hủy hoại rừng".

[2]. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 15 (Mười năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[3] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị C 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Triệu Văn T và Đặng Thị cho Ủy ban nhân dân xã A , huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo với người được nguyên đơn dân sự ủy quyền

Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Triệu Văn T phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện P với số tiền thỏa thuận là 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 00865, ngày 14/11/2018 và số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 00871 ngày 26/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc bị cáo Đặng Thị C phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện P với số tiền thỏa thuận là 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 00867, ngày 14/11/2018 và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 00872 ngày 26/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Tạm giữ số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 00865, ngày 14/11/2018 và số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 00871, ngày 26/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

Tạm giữ số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 00867, ngày 14/11/2018 và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 00872 ngày 26/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015"

[5]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 02 (Hai) con dao quắm, trong đó một con dao có cán dao bằng gỗ có tổng chiều dài 54,5cm, thân dao dài 34,5cm, bản dao rộng 4,5cm, phần cán dao bằng gỗ dài 20cm; Một con dao có cán bằng gỗ có tổng chiều dài 50cm, phần thân dao

dài 30cm, bản dao rộng 4,2cm, cán dao bằng gỗ dài 20cm, cả hai con dao đã qua sử dụng.

Trả lại các vật chứng gồm:

- Trả lại cho anh Triệu Chòi N 01 (Một) chiếc mấy cưa xăng (cưa lốc) màu cam có cả lam và xích, nhãn hiệu HUSQVARNA-365 đã cũ.

- Trả lại cho anh Triệu Minh H 01 (Một) chiếc mấy cưa xăng (cưa lốc) màu cam không có lam và xích, nhãn hiệu TOP SUNI-5020 đã qua sử dụng.

(Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/11/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn).

[6]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Văn T và Đặng Thị C.

[7]. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Nguyên đơn dân sự. (01b)
- Người được nguyên đơn dân sự ủy quyền (01b)
- Bị cáo. (02b)
- Người bào chữa. (01b)
- Người có QL,NVLQ. (02b)
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Tuấn